

## KTCC Chương 3\_2

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

- 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)
- 3.2.2. Chức năng chi tiêu (HHC thuần túy/không thuần túy)
- 3.2.3. Thứ tự ưu tiên của dự án chi tiêu công cộng
- 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)

#### Đường cầu tổng hợp về HHTN

Xét thị trường chỉ gồm 2 cá nhân A, B tiêu dùng một loại HHTN X.

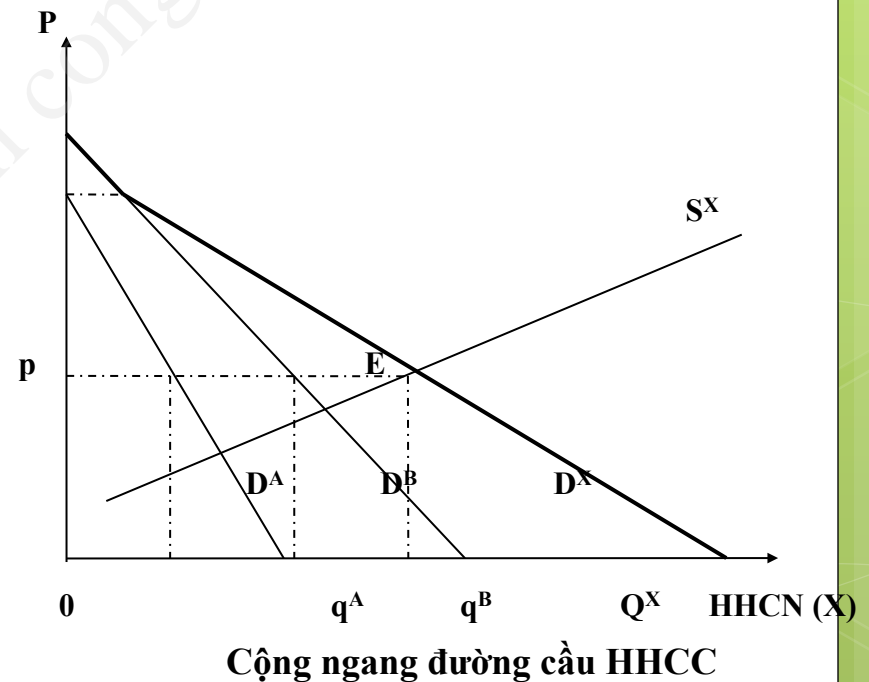
Lượng cầu tổng hợp:

$$Q^X = q^A + q^B$$

TT cạnh tranh HH nên:

$$P^X = p^A = p^B$$

Đường cầu tổng hợp về HHTN xác định bằng **nguyên tắc cộng ngang** các đường cầu cá nhân của HHTN.



*Điểm cân bằng E là giao của đường cầu tổng hợp với đường cung là điểm phân bổ hàng hóa X đạt hiệu quả Pareto*

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)

Cách xác định đường cầu HHCC

- *Cộng dọc các đường cầu HHCC của cá nhân*

- Mỗi cá nhân tiêu dùng số lượng HHCC như nhau nhưng lợi ích biên từ đơn vị HHCC cuối cùng không giống nhau
- Mỗi cá nhân sẵn sàng trả mức thuế tương ứng với lợi ích biên là HHCC mang lại.
- Giả định rằng giá thuế của một cá nhân là  $t$ , tức là, đối với mỗi đơn vị HHCC cá nhân đó phải trả  $t$ . Do đó tổng số mà cá nhân đó có thể chi tiêu (hạn chế ngân sách của anh ta) là:

$$X + tG = Y$$

(Trong đó  $X$  là tiêu dùng HH của anh ta;  $G$  là tổng lượng HHCC được cung cấp; và  $Y$  là thu nhập của anh ta.)

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### **Đường cầu tổng hợp về HHCC**

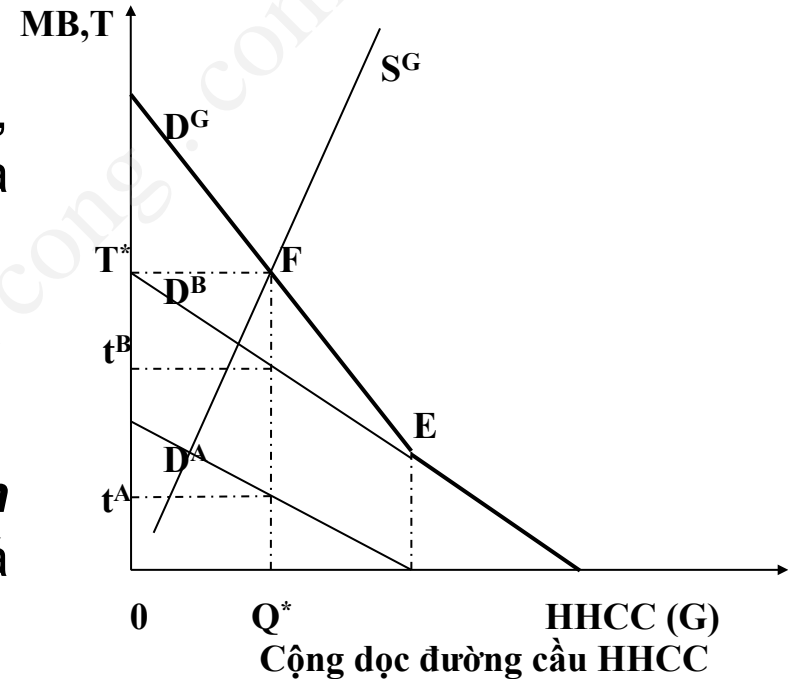
Xét thị trường gồm 2 cá nhân A và B, tiêu dùng một loại HHCC là pháo hoa G

G là HHCC nên:  $q^A = q^B = q^G$

Tổng lợi ích biên của XH:

$$MB^G = MB^A + MB^B$$

Nguyên tắc này được gọi là **nguyên tắc cộng dọc** các đường cầu cá nhân của HHCC.



Đưa thêm đường cung HHCC, điểm cân bằng trên thị trường HHCC tại điểm F, có lượng HHCC cung cấp là  $Q^*$  đạt hiệu quả Pareto.

**Ghi chú:** Sản lượng tiêu dùng càng nhiều thì đường cầu về HHTN càng thoải nhưng đường cầu về HHCC càng dốc

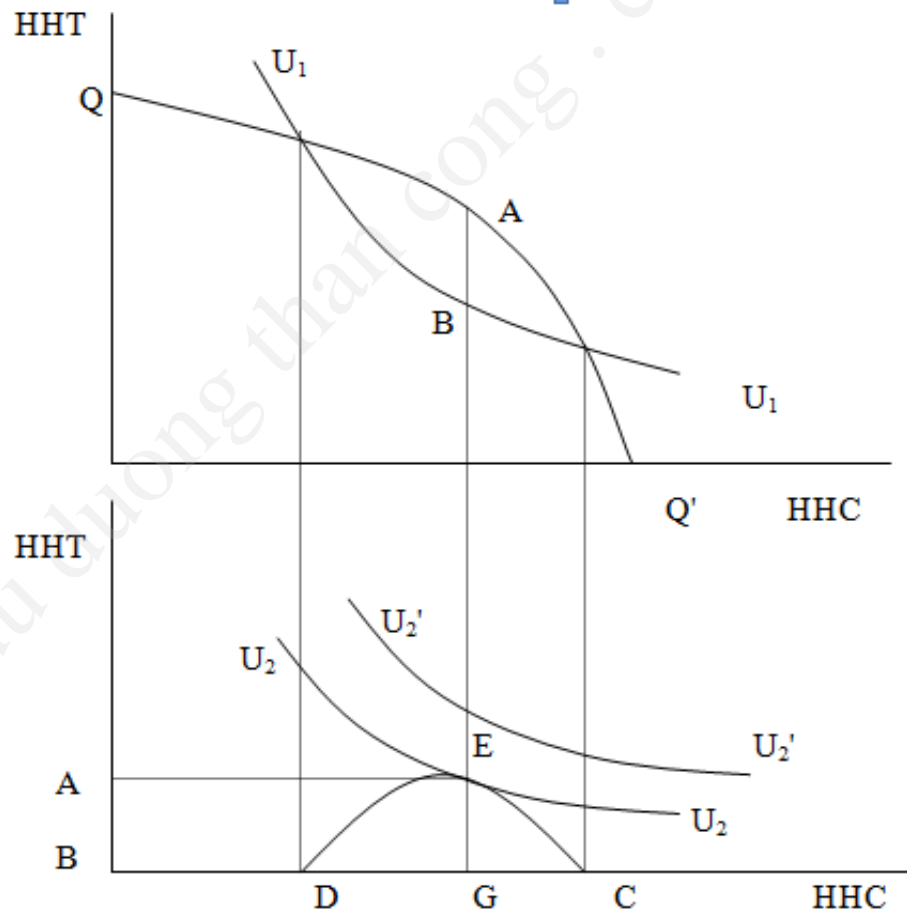
## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)

- Tỷ lệ chuyển đổi cận biên (MRS) giữa HHCC và HHTN của mỗi cá thể:
  - Tổng khối lượng HHC và HHT được sản sinh từ một khối lượng nguồn lực nhất định. Do đó việc tăng HHCC nghĩa là giảm số HHTN và ngược lại.
  - Giữa HHCC và HHTN tồn tại một tỷ lệ chuyển đổi cận biên (MRT) nhất định.
  - Tùy ý thích và nhu cầu mà mỗi cá thể cần những lượng HHCC và HHTN khác nhau.
  - Mỗi người đều có thể bớt đi một phần HHCC để tăng thêm một phần HHTN hoặc ngược lại mà không ảnh hưởng nhiều đến đời sống của mình.
- **Mức thêm bớt trong giới hạn ấy được gọi là tỷ lệ thay thế cận biên (MRS) giữa HHCC và HHTN của mỗi cá thể.**

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)



## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.1. Quy mô chi tiêu (quy mô tối ưu)

- Quy mô HHCC là tối ưu khi **tỷ lệ chuyển đổi cận biên** giữa HHCC và HHTN bằng **tổng các tỷ lệ thay thế cận biên**

$$MRT = MRS_1 + MRS_2$$

MRT: Marginal rates of transformation

MRS: Marginal rates of substitution

- Điều kiện Bowen-Lindahl-Samuelson: tổng tỷ lệ thay thế cận biên giữa HHCC và HHTN của tất cả mọi người tiêu dùng phải bằng tỷ lệ chuyển đổi cận biên trong SX của hai hàng hóa này.



## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.2. Chức năng chi tiêu (HHC thuần túy/không thuần túy)

#### ○ Tác động của chi tiêu công:

- Giải quyết các thất bại của thị trường
- Tác động đến hoạt động của khu vực tư nhân: tạo động lực cho khu vực tư nhân phát triển
- Tác động thay thế: sử dụng CTC để khuyến khích hoặc kìm hãm 1 hoạt động kinh tế
- Tác động tới thu nhập: xảy ra khi các chương trình chi tiêu của chính phủ làm cho các cá nhân lợi hơn nhưng không làm thay đổi giá cả hàng hoá; hoặc nâng cao chất lượng HH&DV công nhưng không tăng mức thu phí

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

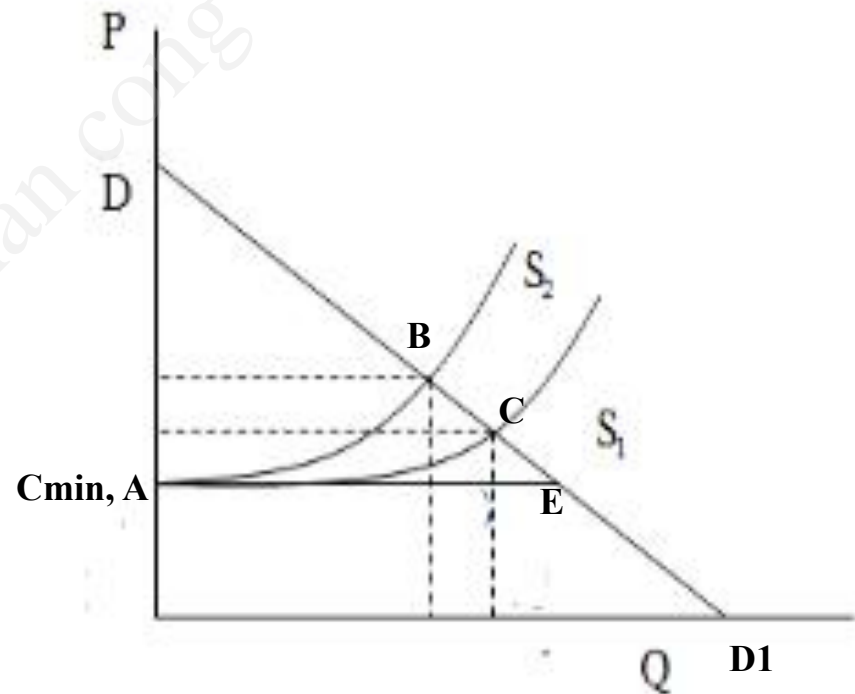
### 3.2.2. Chức năng chi tiêu (HHC thuần túy/ không thuần túy)

- Tác động của chi tiêu công (tiếp):
  - Tác động đến phân phối: thông qua các chương trình mục tiêu XĐGN như: cấp thẻ BHYT, miễn giảm học phí cho học sinh nghèo...
  - Tác động đến ổn định KTVM: tác động tới quan hệ cung cầu nhằm tạo ra sự cân đối trên thị trường.
  - Tác động điều tiết cơ cấu kinh tế: thông qua việc đầu tư vào những lĩnh vực kinh tế trọng yếu hay các ngành CN mới khó thu hút đầu tư của tư nhân

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.2. Chức năng chi tiêu (HHC thuần túy/không thuần túy)

- Nguyên tắc hiệu quả CTC: Với quy mô chi tiêu công xác định, tỷ trọng HHCC không thuần túy càng cao thì lượng mất trắng càng lớn, nghĩa là hiệu quả chi tiêu công càng thấp.



## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.3. Thứ tự ưu tiên của dự án chi tiêu công cộng

- Yêu cầu của việc xác định thứ tự ưu tiên của dự án chi tiêu công cộng
  - Đảm bảo mục tiêu của chi tiêu công trong một giới hạn ngân sách
  - Tối đa hoá lợi ích xã hội và hạn chế chi phí xã hội
- Phương pháp xác định thứ tự ưu tiên: thường sử dụng kết quả CBA

CBA đối với một DA công cộng

- Xác định các khoản chi phí  $\Rightarrow$  đơn vị đo là tiền
- Xác định các khoản lợi ích  $\Rightarrow$  đơn vị đo là tiền
- Mỗi dự án  $\Rightarrow B/C=?$

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.3. Thứ tự ưu tiên của dự án chi tiêu công cộng

Nguyên tắc đánh giá dự án theo phương pháp CBA:

- Chi theo thứ tự ưu tiên;
- Chỉ trong phạm vi kế hoạch ngân sách.

Hạn chế:

- Chi tiêu công có nhiều tác động gián tiếp phức tạp, CBA không tính toán được hết
- Rất nhiều khoản lợi khó xác định lợi ích (shadow price)

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

- HHCC toàn quốc
  - Phạm vi ảnh hưởng: toàn quốc
  - Chính quyền TW cung cấp
  - Lợi thế thông tin về nhu cầu HH: Chính quyền TW
- HHCC Địa phương (ĐP)
  - Phạm vi ảnh hưởng: địa phương
  - Chính quyền ĐP cung cấp
  - Lợi thế thông tin về nhu cầu HH: Chính quyền ĐP
- Phân loại theo 2 đặc tính: loại trừ thụ hưởng; và loại trừ khả dụng: HHC ĐP > HHC TW

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

- Nhu cầu HHCC toàn quốc dễ bị sai lệch và méo mó do địa phương nào cũng muốn được phân bổ ngân sách nhiều hơn hoặc sớm hơn so với nơi khác.
- HHCC địa phương giải quyết được 2 vấn đề cơ bản của HHCC:
  - Tiết lộ sở thích thực sự của người sử dụng khi họ nhận được lượng HHCC tương ứng với mức thuế họ sẵn sàng bỏ ra
  - Mọi người trong một địa phương/cộng đồng có sở thích như nhau đối với lượng HHCC => giá thuế đơn giản bằng với chi phí HHCC/dân số
-

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

- Phân bổ hiệu quả theo phân cấp
  - Lợi thế thông tin: cập nhật thông tin
  - Đánh giá sát thực thứ tự ưu tiên các dự án địa phương
  - Chi phí giao dịch thấp: khoảng cách gần, giảm chi phí cho việc huy động nguồn lực
  - Hạn chế sức ép gia tăng quy mô ngân sách



## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

#### ○ Luật ngân sách Nhà nước 83/2015/QH13

##### **Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:**

1. Chi đầu tư phát triển:
  - a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý;
  - b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước;
  - c) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;
  - d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

##### **Điều 38 Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm:**

1. Chi đầu tư phát triển:
  - a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do địa phương quản lý;
  - b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
  - c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

#### ● Luật ngân sách Nhà nước 83/2015/QH13

##### **Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:**

###### 2. Chi thường xuyên:

- a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý;
- b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý;
- c) Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, không kể phần giao cho địa phương;
- d) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;
- đ) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- e) Các chương trình quốc gia do trung ương thực hiện;
- g) Hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;
- h) Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội do Trung ương đảm nhận;
- i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương theo quy định của pháp luật
- k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

##### **Điều 38. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm:**

###### 2. Chi thường xuyên:

- a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế, giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do địa phương quản lý;
- b) Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội (phần giao cho địa phương);
- c) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương;
- d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật;
- đ) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;
- e) Chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý;
- g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

## 3.2. Lý thuyết về hiệu quả chi tiêu Công cộng

### 3.2.4. Phân cấp chi tiêu công cộng

#### ● Luật ngân sách Nhà nước 83/2015/QH13

##### **Điều 36. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:**

3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay;
4. Chi viện trợ;
5. Chi cho vay theo quy định của pháp luật;
6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của trung ương;
7. Chi bổ sung cho ngân sách địa phương.

##### **Điều 38 Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm:**

3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này;
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh
5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

# Trả lời đúng sai có giải thích

1. Chi tiêu công cộng hiểu theo nghĩa rộng là toàn bộ chi phí cho hoạt động công cộng thông qua ngân sách nhà nước.
2. Chính phủ phải xác định quy mô và công nghệ sản xuất các sản phẩm để đem lại lợi nhuận tối đa khi quyết định trả lời câu hỏi sản xuất như thế nào.
3. Trả lãi nợ công là một trong những nguyên nhân gây gia tăng chi tiêu công.
4. Tỷ trọng HHC không thuần túy không làm tăng lượng mất trắng cho toàn xã hội.
5. Hạn chế của CBA là khó so sánh hiệu quả giữa các dự án thuộc lĩnh vực khác nhau
6. Quy mô HHC là tối ưu khi tỷ lệ chuyển đổi cận biên giữa hai loại hàng hoá này phải bằng tổng các tỷ lệ thay thế cận biên của mỗi cá thể trong xã hội.
7. Phân cấp trách nhiệm hạn chế tình trạng méo mó thông tin và gây áp lực tăng thêm quy mô chi tiêu.
8. Giáo dục tiểu học là hàng hoá công địa phương.

# Bài tập

Một loại hàng hóa X có đường cầu cá nhân như sau:

$$D_A: Q = 22 - 2P$$

$$D_B: Q = 26 - 2P$$

Q: Là sản phẩm; P: 1.000đ/sản phẩm

1) Hãy xác định đường cầu tổng hợp của hàng hóa X trong hai trường hợp: a. X là hàng hóa cá nhân? b. X là hàng hóa công cộng?

2) Nếu chi phí biên để sản xuất ra hàng hóa X là 5.000đ/sản phẩm. Hãy xác định sản lượng tối ưu trong hai trường hợp X là hàng hóa công cộng và X là hàng hóa cá nhân.